TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày: 09-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Minh Chí
Ông Nguyễn Phước Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1971;
Địa chỉ:Phường 13, Quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Chế Minh C, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Phường 13, Quận T, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: ông Trần Thanh P.

Ông P có mặt; ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn – ông Trần Thanh P và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 02-6-2016, ông Trần Thanh P cùng vợ là bà Nguyễn Thị Đ và ông Chế Minh C có lập văn bản thỏa thuận với nội dung như sau:

Ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thị Đ (Bên A) giao cho ông Chế Minh C (Bên B) số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) để chi phí dịch vụ làm hồ sơ xây dựng nhà xưởng trên diện tích 03 thửa đất số 437, 436,

488 Tờ bản đồ số 16, đất tại ấp Kế Mỹ, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và đồng ý ủy quyền cho bên B thay mặt bên A làm thủ tục như sau:

1. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất kinh doanh, xin phép san lấp nền, xin phép xây bờ tường xung quanh nhà xưởng. Thời hạn là 05 tháng bên B phải hoàn tất tính từ ngày ký văn bản này.

2. Xin cấp Giấy phép xây dựng nhà xưởng gồm có: Lập thiết kế bản vẽ, hệ thống PCCC, môi trường. Thời hạn 02 tháng ông C phải hoàn tất tính từ ngày bên A gửi văn bản yêu cầu.

3. Lập hồ sơ hoàn công theo Giấy phép xây dựng. Thời hạn 02 tháng bên B phải hoàn tất tính từ ngày bên A gửi văn bản yêu cầu.

Tổng chi phí làm các công việc trên dự toán với số tiền là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), được bên A và bên B thỏa thuận thanh toán như sau:

Ngay sau khi ký văn bản này, bên A thanh toán chuyển khoản cho bên B số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền này để bên B chi phí các dịch vụ như photo giấy tờ, bản vẽ, thiết kế và các dịch vụ hành chính. Số tiền còn lại bên A và bên B cùng thỏa thuận thanh toán làm các lần cụ thể như sau:

- Bên A thanh toán cho bên B số tiền: 130.000.000 đồng sau khi bên B hoàn tất công việc tại khoản 1.

- Bên A thanh toán cho bên B số tiền: 50.000.000 đồng sau khi bên B hoàn tất công việc tại khoản 2.

- Bên A thanh toán cho bên B số tiền: 50.000.000 đồng sau khi bên B hoàn tất công việc tại khoản 3.

Trường hợp quá thời hạn mà bên A và bên B thỏa thuận nêu trên bên B không hoàn tất được các khoản nêu trên thì bên B có trách nhiệm trả số tiền đã nhận của bên A và đền bù số tiền tương đương với số tiền đã nhận của bên A.

Sau khi bên B hoàn tất các việc nêu trên, bên B cam kết sẽ bàn giao lại cho bên A mà không đòi hỏi thêm bất cứ quyền lợi gì.

Việc lập văn bản thỏa thuận này được Thừa phát lại tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành lập Vi bằng số 863/VB-TPL ngày 02-6-2016 ghi nhận.

Theo văn bản thỏa thuận ngày 02-6-2016, ngày 03-6-2016, ông P đã chuyển vào Tài khoản số 101010009997148 tại Vietin Bank Long An – Chi nhánh Bến Lức của ông Chế Minh C số tiền 50.000.000 đồng như thỏa thuận. Tuy nhiên từ đó đến nay, ông C không thực hiện bất kì công việc nào đã cam kết trong hợp đồng, cũng không liên lạc với ông để nêu rõ lý do. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu ông C phải có trách nhiệm trả lại cho ông và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 50.000.000 đồng là tiền tạm ứng cho đợt một sau khi ký văn bản thỏa thuận và 50.000.000 đồng là tiền bồi thường do đã quá thời hạn mà không hoàn tất các công việc theo thỏa thuận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông P có nộp cho Tòa án các tài liệu sau: Vi bằng số 863/VB-TPL ngày 02-6-2016; Văn bản thỏa thuận ngày 02-6-2016 giữa ông P, bà Đ và ông C; Giấy nộp tiền và Hóa đơn giá trị gia tăng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietin Bank).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự cho ông Chế Minh C nhưng ông C vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông C không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, người bị kiện có địa chỉ cư trú tại xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.1] Bị đơn – ông Chế Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Thanh P khởi kiện yêu cầu ông Chế Minh C có trách nhiệm thanh toán cho ông và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng bao gồm 50.000.000 đồng tiền ông C đã nhận và 50.000.000 đồng tiền bồi thường do ông C vi phạm thỏa thuận.

[2.1] Thấy rằng Văn bản thỏa thuận ngày 02-6-2016 giữa ông P, bà Đ và ông C được Thừa phát lại tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành lập Vi bằng số 863/VB-TPL ngày 02-6-2016 ghi nhận. Theo Nghị định số: 135/2013/NĐ-CP ngày 18-10-2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số: 61/2009/NĐ-CP ngày 24-7-2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh, "Vi bằng là văn bản do Thừa phát lại lập, ghi nhận sự kiện, hành vi được dùng làm chứng cứ trong xét xử và trong các quan hệ pháp lý khác". Qua đó, có căn cứ xác định có việc thỏa thuận giữa ông P, bà Đ và ông C theo Văn bản thỏa thuận ngày 02-6-2016, thỏa thuận này là hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 518 Bộ luật Dân sự 2005, với nội dung công việc là ông C thực hiện dịch vụ làm hồ sơ xây dựng nhà xưởng cho ông P, bà Đ.

[2.2] Theo khoản 1 Văn bản thỏa thuận ngày 02-6-2016 thì ông Chế Minh C phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất kinh doanh, xin phép san lấp nền, xin phép xây bờ tường xung quanh nhà xưởng trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày ký Văn bản thỏa thuận ngày 02-6-2016. Ngay sau khi ký văn bản này, ông P, bà Đ có nghĩa vụ là phải thanh toán chuyển khoản cho ông C số tiền 50.000.000 đồng để ông C chi phí các dịch vụ giấy tờ, bản vẽ,

thiết kế và dịch vụ hành chính. Thực hiện theo đúng thỏa thuận, ngày 03-6-2016, ông P đã chuyển vào tài khoản của ông C số tiền 50.000.000 đồng, được thể hiện tại Giấy nộp tiền ngày 03-6-2016 của ông Trần Thanh P tại Chi nhánh Ngân hàng Công thương Tân Bình. Theo ông P, đã quá thời hạn 05 tháng kể từ ngày ký Văn bản thỏa thuận, cho đến nay, ông C chưa thực hiện bất kì công việc nào theo thỏa thuận tại khoản 1, cũng không đưa ra lý do không thực hiện, trong thời gian đầu ông liên lạc với ông C, ông C nói rằng đang làm nhưng sau đó thì ông không thể liên lạc được với ông C. Qua xác minh, ông C hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác cho bị đơn – ông Chế Minh C nhưng ông C vẫn không đến Tòa án theo Giấy triệu tập cũng như không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó, có đủ cơ sở xác định ông C đã nhận số tiền 50.000.000 đồng và chưa thực hiện bất kì công việc nào trong thời hạn mà hai bên đã thỏa thuận tại Văn bản ngày 02-6-2016. Do đó, căn cứ vào nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 02-6-2016, "Trường hợp quá thời hạn mà bên A và bên B thỏa thuận nêu trên bên B không hoàn tất được các khoản nêu trên thì bên B có trách nhiệm trả số tiền đã nhận của bên A và đền bù số tiền tương đương với số tiền đã nhận của bên A", ông C phải có trách nhiệm trả lại cho ông P, bà Đ số tiền 50.000.000 đồng đã nhận và bồi thường 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền ông C phải thanh toán cho ông P, bà Đ là 100.000.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của ông P là có cơ sở.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ông Chế Minh C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 518, 520, 521, 522, 523 của Bộ luật Dân sự 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.

Buộc ông Chế Minh C có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Thanh P và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), gồm 50.000.000 đồng tiền đã nhận và 50.000.000 đồng tiền bồi thường.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Ông Chế Minh C phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Thanh P 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo Biên lai thu số 0005734 ngày 14 -11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

4. Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Xuân An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Chí – Nguyễn Phước Nhàn **Lê Nguyễn Xuân An**